

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, đối tượng thu, nộp, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh đối với hộ gia đình, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 9677/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định mức thu, đối tượng thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, đối tượng thu, nộp, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh đối với hộ gia đình, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

1. Đối tượng nộp lệ phí

Hộ gia đình, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Các trường hợp không áp dụng thu lệ phí

a) Thay đổi thông tin về số điện thoại, fax, email, website, địa chỉ do thay đổi về địa giới hành chính.

b) Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do sai sót của cán bộ xử lý.

3. Mức thu lệ phí

Mức thu lệ phí được thực hiện theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

4. Cơ quan thu lệ phí

a) Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thu lệ phí đối với đối tượng Liên hiệp hợp tác xã.

b) Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức thu lệ phí đối với các đối tượng: Hộ gia đình, Hợp tác xã.

5. Chế độ thu, nộp lệ phí thu được

a) Thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế và các văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành.

b) Tổ chức thu lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

c) Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đơn vị được giao nhiệm vụ thu lệ phí này chủ động xây dựng kế hoạch và dự toán thu chi ngân sách hàng năm của đơn vị mình, gửi cơ quan tài chính cùng cấp kiểm tra, tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương, báo cáo cơ quan có thẩm quyền thông qua theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban, các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Khóa IX, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- UBND QH, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- BTV Thành ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy;
- ĐB HĐND thành phố; Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBND, UBNDTTQVN thành phố;
- VP HĐND, VP UBND thành phố;
- Các Sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Quận, huyện ủy; HĐND, UBND, UBNDTTQVN các quận, huyện;
- HĐND, UBND các phường, xã;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, Trung tâm TTVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TH.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Anh



Phụ lục

**MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ KINH DOANH ĐỐI VỚI
HỘ GIA ĐÌNH, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 60/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng)

Đvt: Đồng/lần

| Số TT | Nội dung thu | Mức thu |
|-------|---|---------|
| 1 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp hợp tác xã | 200,000 |
| 2 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã | 150,000 |
| 3 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh | 100,000 |
| 4 | Chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh | 30,000 |
| 5 | Cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh hoặc bản trích lục nội dung đăng ký kinh doanh | 3,000 |